

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 101b/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Trãi)

Tên chương trình: **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHỨNG**
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
Ngành đào tạo: **QUAN HỆ CÔNG CHỨNG**
Hệ đào tạo: **CHÍNH QUY**
Mã ngành đào tạo: **7320108**
Bằng cấp: **CỬ NHÂN**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng (QHCC) có phẩm chất chính trị, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe và năng lực giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn trong sự nghiệp xây dựng đất nước nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sau khóa học sinh viên có đủ năng lực hành nghề QHCC trong các cơ quan chính phủ, phi chính phủ, doanh nghiệp, tổ chức liên doanh và các tổ chức chính trị xã hội khác. Cử nhân ngành QHCC còn có thể tác nghiệp tại các cơ quan báo chí, các báo, tạp chí, các Đài phát thanh truyền hình; nghiên cứu, giảng dạy về PR tại các cơ sở đào tạo hoặc học lên học vị cao hơn trong lĩnh vực QHCC.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Chương trình mang đến cho sinh viên có kiến thức và hiểu biết vững vàng về lĩnh vực QHCC, có khả năng xử lý thông tin, khả năng ngoại ngữ cũng như được trang bị các kỹ năng về QHCC chuyên nghiệp để có thể đảm đương một cách hiệu quả các vị trí mà xã hội đặt ra trong quá trình hội nhập.

Chương trình đào tạo cử nhân ngành QHCC được thiết kế theo mô hình ngành chính phủ, trong đó ngành chính QHCC nhằm cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức cơ bản và có hệ thống, bài bản về lĩnh vực quan hệ công chúng. Cử nhân ngành QHCC sẽ được trang bị kiến thức liên ngành và mối liên hệ giữa bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội với ngành QHCC. Sinh viên tốt nghiệp ngành QHCC trường ĐH Nguyễn Trãi còn được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về QHCC và các kỹ năng hành nghề QHCC, các tri thức về truyền thông, các phương tiện truyền thông và cách sử dụng các phương tiện này trong hoạt động QHCC.

1.2.2. Về kỹ năng

Cử nhân ngành QHCC sẽ có kỹ năng xây dựng, duy trì phát triển quan hệ giữa tổ chức với các nhóm công chúng; tổ chức và lập các kế hoạch truyền thông, quản lý khủng hoảng; kỹ năng viết, biên tập và xuất bản các thông cáo báo chí, các sản phẩm truyền thông khác dưới các loại hình in ấn phát thanh, truyền hình, mạng điện tử và kỹ năng quan

hệ với báo chí; có kỹ năng quản lý và tư vấn xây dựng chiến lược QHCC; có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình; có kỹ năng đánh giá hiệu quả các hoạt động QHCC.

Chương trình đào tạo ngành QHCC cũng sẽ chú trọng nâng cao năng lực sinh viên về khả năng tư duy chiến lược và tiếp thu kiến thức mới, cập nhật; có khả năng sáng tạo, năng động và dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; có khả năng giao tiếp, tháo vát và làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

1.2.3. Về thái độ

Cử nhân ngành QHCC cũng sẽ được rèn luyện về tác phong làm việc, thái độ đúng đắn đối với ngành học cũng như việc rèn luyện những kỹ năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn trong tương lai cũng như có thái độ đúng đắn về QHCC và nguyên tắc hành nghề QHCC.

1.2.4. Vị trí nghề nghiệp

Những vị trí mà các cử nhân QHCC có thể đảm nhận khá đa dạng, bao gồm:

Chuyên viên PR: Làm các công việc như phụ trách quan hệ báo chí, quan hệ cộng đồng, tổ chức sự kiện, tổ chức truyền thông nội bộ, quản trị khủng hoảng, xây dựng hình ảnh cho người nổi tiếng, quản trị thương hiệu... tại các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân, các tổ chức kinh tế, quốc tế và các tổ chức xã hội, phi chính phủ....

Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan báo, tạp chí, hãng thông tấn, đài phát thanh, đài truyền hình và các kênh truyền thông...

Chuyên viên phân tích và tư vấn quan hệ công chúng: Đảm nhận các công việc như trợ lý phân tích và lập báo cáo về môi trường truyền thông đối nội và đối ngoại của đơn vị; trợ lý xây dựng và thực hiện chiến lược truyền thông trong kinh doanh, phát triển đội ngũ nhân sự, xây dựng và phát triển thương hiệu. Các bạn sẽ làm việc tại các công ty, tổ chức tư vấn quản trị truyền thông doanh nghiệp, các Bộ và Sở, Ban, Ngành liên quan đến truyền thông.

Nghiên cứu và giảng dạy về PR trong các cơ sở giáo dục đại học, tham gia nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến truyền thông, quan hệ công chúng, trợ lý giảng dạy; Tương lai có nghiên cứu về truyền thông và quan hệ công chúng.

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

- Có khả năng nghe, nói, đọc, viết tốt 01 ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp và có khả năng giao tiếp cơ bản 01 ngoại ngữ thứ 2. Có 03 ngôn ngữ để sinh viên lựa chọn: Nhật, Hàn, Anh.

1.2.6. Trình độ tin học

- Khả năng tổ chức ứng dụng và phát triển các ứng dụng tin học và đồ họa trong công việc thiết kế.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Về kỹ năng, cử nhân ngành QHCC sẽ có kỹ năng xây dựng, duy trì phát triển quan hệ giữa tổ chức với các nhóm công chúng; tổ chức và lập các kế hoạch truyền thông, quản

lý khủng hoảng; kỹ năng viết, biên tập và xuất bản các thông cáo báo chí, các sản phẩm truyền thông khác dưới các loại hình in ấn phát thanh, truyền hình, mạng điện tử và kỹ năng quan hệ với báo chí; có kỹ năng quản lý và tư vấn xây dựng chiến lược QHCC; có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình; có kỹ năng đánh giá hiệu quả các hoạt động QHCC.

2.2.2. Kỹ năng “mềm” (soft skills)

Chương trình đào tạo ngành QHCC cũng sẽ chú trọng nâng cao năng lực sinh viên về khả năng tư duy chiến lược và tiếp thu kiến thức mới, cập nhật; có khả năng sáng tạo, năng động và dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; có khả năng giao tiếp, tháo vát và làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

Đồng thời với kinh nghiệm và thể mạnh về đào tạo ngoại ngữ, tin học, giao tiếp truyền thông của Đại học Nguyễn Trãi, ngành phụ Ngoại ngữ và truyền thông đại chúng sẽ rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp để giúp họ sau khi tốt nghiệp có thể chủ động sử dụng tốt ngoại ngữ trong các vị trí công tác thực tế.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Sinh viên ngành Quan hệ công chúng có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Có khả năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 132 tín chỉ (TC), không bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	49
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Pháp luật và Đạo đức Truyền thông	2
1.3	Ngoại ngữ 1	27
1.4	Ngoại ngữ 2	9
2.	Kiến thức giáo dục chuyên ngành	69
2.1	Đại cương ngành	4
2.2	Kiến thức cơ sở ngành	8
2.3	Kiến thức chuyên ngành	57
3.	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	14
3.1	Thực tập tốt nghiệp	4
3.2	Chuyên đề khóa luận tốt nghiệp	5
3.3	Khóa luận tốt nghiệp	5
TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA		132

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp THPT, theo quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và Đào tạo và theo đề án tự chủ tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2021 và các quy định hiện hành của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

6. Cách thức đánh giá

- Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để giảng viên cho điểm thành phần của mỗi học phần.

- Riêng thực tập và khóa luận tốt nghiệp phải đạt từ điểm C trở lên mới coi là đạt.

Kết quả	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A	4
	Từ 7,0 đến 8,4	B	3
	Từ 5,5 đến 6,9	C	2
	Từ 4,0 đến 5,4	D	1
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

7. Nội dung chương trình

7.1 Nội dung chương trình phân theo khối kiến thức

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1.		Kiến thức giáo dục đại cương	49	375	360	1470	
1.1		<i>Lý luận chính trị</i>	11	165		330	
1	POT 01	Triết học Mác – Lê nin	3	45		90	
2	POT 02	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	30		60	POT 01
3	POT 03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		60	POT 02
4	POT 04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		60	POT 03
5	POT 05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		60	POT 04
1.2		<i>Ngoại ngữ 1</i>	27	135	270	810	
6	FL01-101	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1	3	15	30	90	
7	FL01-102	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1	3	15	30	90	FL01-101

8	FL01-103	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 1.1.	3	15	30	90	FL01-102
9	FL01-201	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.1	3	15	30	90	FL01-103
10	FL01-202	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.2	3	15	30	90	FL01-201
11	FL01-203	Ngoại ngữ 1– Sơ cấp 2.3	3	15	30	90	FL01-202
12	FL01-301	Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.1	3	15	30	90	FL01-203
13	FL01-302	Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.2	3	15	30	90	FL01-301
14	FL01-303	Ngoại ngữ 1– Trung cấp 1.3	3	15	30	90	FL01-302
1.3		<i>Ngoại ngữ 2</i>	9	45	90	270	
15	FL02-101	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.1	3	15	30	90	
16	FL02-102	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.2	3	15	30	90	FL02-101
17	FL02-103	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.3	3	15	30	90	FL02-102
1.4.		<i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất</i>	11	122	88	420	
18	DET 01	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	8	77	88	330	
19	PHT 01	Giáo dục thể chất	3	45		90	
1.5		<i>Khoa học – Xã hội và Nhân văn</i>	2	30		60	
20	GL 01	Pháp luật và Đạo đức truyền thông	2	30		60	
2.		<i>Kiến thức giáo dục chuyên ngành</i>	69	965	70	2070	
2.1		<i>Đại cương ngành</i>	4	60	0	120	
21	PRA 01	Nhập môn Quan hệ công chúng	4	60		120	
2.2		<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	8	120	0	240	
22	INF 01	Tin học chuyên ngành	3	45		90	
23	SOC 01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30		60	
24	SOC 02	Xã hội học truyền thông đại chúng và đư luận xã hội	3	45		90	
2.3		<i>Kiến thức ngành</i>	57	785	70	1.700	
2.3.1		<i>Học phần bắt buộc</i>	52	780	70	1.670	
25	MAR 01	Marketing và tâm lý công chúng	3	45		90	
26	COM 03	Xây dựng phong cách cá nhân	2	30		60	
27	COM 04	Kỹ năng dẫn chương trình	2	15	15	60	
28	GA 01	Nghệ thuật kể chuyện trong quảng cáo	2	30		60	
29	EVE 01	Tổ chức sự kiện	4	60		120	
30	COM 05	Nghệ thuật phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	2	30		60	

31	PHO 01	Kỹ thuật chụp và xử lý ảnh	3	20	25	90	
32	COM 01	PR doanh nghiệp	4	60		120	
33	WPR 02	Ngôn ngữ truyền thông	2	30		60	
34	WPR 01	Viết cho PR	4	60		120	
35	BA 01	Quản trị thương hiệu	3	45		90	
36	MAR 02	Seo và Marketing các công cụ tìm kiếm	3	45		90	
37	CM 01	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3	45		90	
38	PPR 01	Sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện	3	45		90	
39	STAU 01	Khởi sự doanh nghiệp	2	30		60	
40	PRA 04	Thực tế 1	1	15		30	
41	PRA 05	Thực tế 2	1	15		30	
42	SPR 01	Chuyên đề 1	2	30		60	
43	SPR 02	Chuyên đề 2	2	30		60	
44	PJ 01	Dự án 1	2	15	15	60	
45	PJ 02	Dự án 2	2	15	15	60	
2.3.2		<i>Học phần tự chọn (chọn 2/4 môn)</i>	5	75		150	
46, 47	EVE 02	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		60	
	COM 06	Truyền thông Quốc tế	2	30		60	
	PRA 03	Hoạch định chiến lược PR	3	45		90	
	CAG 01	Truyền thông và toàn cầu hóa	3	45		90	
3.		Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	14	0	210	420	
48	PRA 06	Thực tập tốt nghiệp	4		60	120	
49	GRP 01	Chuyên đề khóa luận tốt nghiệp	5		75	150	PRA 06
50	GRP 02	Khóa luận tốt nghiệp	5		75	150	GRP 01
		Tổng cộng	132	1340	640	3960	

7.2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
HỌC KỲ 1		20
1	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.1	3
2	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.2	3
3	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 1.3	3
4	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	4.5
5	Pháp luật và Đạo đức Truyền thông	2
6	Nhập môn Quan hệ công chúng	4
7	Tin học chuyên ngành	3
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
HỌC KỲ 3		26
1	Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1	3
2	Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2	3
3	Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3	3
4	Tổ chức sự kiện	4
5	Nghệ thuật PV và trả lời phỏng vấn	2
6	Triết học Mác-Lênin	3
7	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
10	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
HỌC KỲ 5		12
1	SEO và Marketing các công cụ tìm kiếm	3
2	Quản trị truyền thông trong khủng hoảng	3
3	Sản xuất các SP TT đa phương tiện	3
4	Khởi sự doanh nghiệp	2
5	Thực tế 1	1
6	Thực tế 2	1

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
HỌC KỲ 7		14
1	Đào tạo trong môi trường doanh nghiệp (Thực tập tốt nghiệp - 6 tuần)	4
2	Chuyên đề khóa luận tốt nghiệp	5
3	Khóa luận tốt nghiệp	5

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
HỌC KỲ 2		21
1	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.1	3
2	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.2	3
3	Ngoại ngữ 1 – Sơ cấp 2.3	3
4	XHHc TT đại chúng và dư luận xã hội	3
5	Marketing và tâm lý công chúng	3
6	Xây dựng phong cách cá nhân	2
7	Kỹ năng dẫn chương trình	2
8	Nghệ thuật kể chuyện trong quảng cáo	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
HỌC KỲ 4		25
1	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.1	3
2	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.2	3
3	Ngoại ngữ 2 – Sơ cấp 1.3	3
4	Kỹ thuật chụp và xử lý ảnh	3
5	PR doanh nghiệp	4
6	Ngôn ngữ truyền thông	2
7	Viết cho PR	4
8	Quản trị thương hiệu	3
9	Giáo dục thể chất	3

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
HỌC KỲ 6		14
1	Chuyên đề 1	2
2	Chuyên đề 2	2
3	Dự án 1	2
4	Dự án 2	2
5	Môn tự chọn 1	2
6	Môn tự chọn 2	3

7. 3. Mô tả nội dung các học phần

7.3.1. Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lê nin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

7.3.2. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

7.3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

7.3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

7.3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

7.3.6. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.7. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.8. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.9. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1 (3 tín chỉ)

7.3.10. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2 (3 tín chỉ)

7.3.11. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3 (3 tín chỉ)

7.3.12. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.13. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.14. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.15. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.16. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.17. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.18. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

7.3.19. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ)

Ghi chú:

- Ngoại ngữ 1: Tổng 27 tín chỉ, Ngoại ngữ 2: Tổng 9 tín chỉ.

- Sinh viên có thể chọn tiếng Anh, tiếng Hàn hoặc tiếng Nhật là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 để học.

- Đề cương chi tiết các học phần ngoại ngữ do các Bộ môn ngoại ngữ, Khoa Quốc tế thực hiện theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngoại ngữ của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

- Đề cương chi tiết học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc ĐH Quốc gia chịu trách nhiệm.

7.3.20. Pháp luật và Đạo đức Truyền thông (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần:

Sinh viên có thể áp dụng tri thức về pháp luật báo chí, các quan niệm về đạo đức báo chí vào thực tiễn hoạt động quan hệ công chúng nói chung và quan hệ với giới báo chí nói riêng. Từ đó, người học xác định được những việc làm đúng sai của các chủ thể khi tác nghiệp quan hệ công chúng theo luật báo chí, đồng thời điều chỉnh các hành vi khi quan hệ công chúng với giới báo chí.

- Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản về pháp luật báo chí, sự quản lý của nhà nước về báo chí thông qua hiến pháp và luật, hỗ trợ người học trong quá trình xác định địa vị pháp lý của những chủ thể tham gia quá trình quan hệ công chúng với giới báo chí.

Học phần này còn trang bị tri thức lý luận và thực tiễn một cách cơ bản và hệ thống về đạo đức báo chí, đặc biệt là những yêu cầu thực tiễn để điều chỉnh thái độ, hành vi trong giao tiếp xã hội và trong quá trình quan hệ với nhóm công chúng báo chí.

7.3.21. Nhập môn quan hệ công chúng (4 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Nhập môn quan hệ công chúng: Giúp sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về môn của ngành quan hệ công chúng: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của ngành; cơ cấu môn quan hệ công chúng; những khái niệm phạm trù cơ bản của quan hệ. Sơ lược về sự hình thành, phát triển của quan hệ công chúng;

- Phương pháp nghiên cứu: Giúp sinh viên hiểu được cơ sở của việc chuyển những thông tin thực nghiệm thành thông tin lý thuyết, các giai đoạn tiến hành điều tra xã hội học thực nghiệm. Từ đó sinh viên có thể biết được cách sử dụng những thông tin xã hội học cung cấp;

- Mục tiêu học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môn, từ đó có thể ứng dụng xã hội học vào công tác chuyên môn và giải quyết các vấn đề của thực tiễn xã hội.

7.3.22. Tin học chuyên ngành (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Tin học chuyên ngành là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành báo chí.

Học phần có vai trò yếu trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản về tin học, cấu trúc máy tính, mạng máy tính, hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ, các chương trình ứng dụng thông thường. Từ đó có thể sử dụng công tin học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

Học phần có quan hệ với các học phần giải tích, đại số tuyến tính, xác suất thống kê, ngoại ngữ.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm chắc kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản sau đây:

+ Lý thuyết: Tổng quan về thông tin, xử lý thông tin mạng máy tính, hệ điều hành và các phần mềm hỗ trợ, một số chương trình ứng dụng thông thường phổ biến.

+ Thực hành: Soạn thảo văn bản Microsoft word, sử dụng bảng tính excel, power point, photoshop, các phần mềm thiết kế sản phẩm truyền thông, sử dụng, bảo quản máy tính, chống virus máy tính. Ứng dụng thực hành tin học trong ngành báo chí.

7.3.23. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những lý luận cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và các phương pháp tiến hành nghiên cứu khoa học để:

- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học, nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó để nhìn nhận, đánh giá một vấn đề của hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng.

- Nắm vững quy trình thực hiện một hoạt động nghiên cứu khoa học: Những cách tiếp cận chính trong nghiên cứu khoa học của ngành Quan hệ công chúng; Những phương pháp chủ yếu thường sử dụng trong nghiên cứu; Những nội dung đến kỹ năng xử lý thông tin, viết và thuyết trình để có thể trình bày, tiếp cận về một vấn đề truyền thông, quan hệ công chúng, sự kiện hoặc báo chí trong một bối cảnh cụ thể.

7.3.24. Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội (3 tín chỉ)

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về các phương tiện truyền thông nói chung, truyền thông đại chúng nói riêng, như khái niệm, đặc điểm, bản chất và chức năng xã hội, thế mạnh và hạn chế cũng như cách thức tiếp cận, khai thác các kênh truyền thông này cho hoạt động nghề nghiệp, mô hình nhân cách chủ thể truyền thông, những khuyến nghị về các thức giao tiếp, ứng xử.

- Mục tiêu học phần:

+ Về kiến thức: nắm được những kiến thức cơ bản, hệ thống và hiện đại về các phương tiện truyền thông nói chung, truyền thông đại chúng nói riêng.

+ Về kỹ năng: Có kỹ năng đánh giá thế mạnh và hạn chế của các kênh truyền thông và các sản phẩm truyền thông trong từng thời gian, điều kiện cụ thể, biết khai thác sức mạnh truyền thông vào việc nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động quan hệ công chúng, biết tập hợp và phân tích thông tin qua các sản phẩm truyền thông.

3.7.25. Marketing và tâm lý công chúng (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của Marketing, giới thiệu những điều kiện ứng dụng lý thuyết Marketing trong môi trường kinh doanh trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay, Sinh viên ngành quan hệ công chúng có thể áp dụng các tri thức Marketing vào quá trình hoạt động quan hệ công chúng ở các doanh nghiệp.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học một công cụ cơ bản để hiểu biết thị trường và nhu cầu của khách hàng, từ đó nhận biết và có cách ứng xử phù hợp trước những đòi hỏi của thị trường. Học phần đề cập tới cách lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch quảng bá cho doanh nghiệp thông qua 4 công cụ của Marketing là sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

7.3.26. Xây dựng phong cách cá nhân (2 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Xây dựng phong cách cá nhân là học phần bắt buộc trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp của chương trình đào tạo ngành Quan hệ công chúng.

Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế hoạch xây dựng phong cách tương ứng với từng người, ở từng vị trí, từng độ tuổi... để từ đó tạo dựng cho sinh viên những kỹ năng xây dựng phong cách làm việc chuyên nghiệp cho chính mình, cho các chính khách, cho người nổi tiếng và cho toàn bộ cán bộ công nhân viên ở các doanh nghiệp và ngoài xã hội, góp phần tạo dựng văn hoá doanh nghiệp và văn hoá xã hội.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải nắm được kiến thức lý thuyết và có kỹ năng thực hành sau đây:

+ Lý thuyết: Nắm được các khái niệm về phong cách cá nhân, xây dựng phong cách cá nhân, các loại hình phong cách, các trường phái phong cách đang thịnh hành để từ đó xây dựng được nét riêng đặc trưng cho từng cá nhân, cho doanh nghiệp.

+ Thực hành: Vận dụng hiểu biết để thiết kế xây dựng thành thạo phong cách cá nhân cho mình và cho một lãnh đạo, một người nổi tiếng.

7.3.27. Kỹ năng dẫn chương trình (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Giúp người học hoạt ngôn và trở thành người giao tiếp, thuyết trình, người dẫn chương trình chuyên nghiệp, tuy nhiên người học vẫn có thể áp dụng để làm: MC sự kiện ra mắt sản phẩm, MC phong trào đoàn thể của cơ quan, MC đám cưới, thuyết trình, giảng dạy, hay để có thể nói chuyện tự tin trước đám đông...; có tư duy tích cực và có khả năng đánh giá đúng đắn các vấn đề quan trọng hiện nay trong giao tiếp. Giúp học viên nâng cao khả năng thích nghi với các môi trường nghề nghiệp mới, cả ở

Việt Nam và nước ngoài; Khuyến khích học viên sử dụng các phương tiện nghiên cứu đa dạng, bao gồm các sách, báo, tạp chí quốc tế và mạng Internet.

7.3.28. Nghệ thuật kể chuyện trong quảng cáo (2 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Nghệ thuật nói trước công chúng là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên sâu của ngành. Học phần có vai trò trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức về nghệ thuật phát biểu miệng – một phương thức truyền thông tin từ người này đến người khác hoặc nhóm người khác bằng lời nói trực tiếp nhằm tác động, thay đổi nhận thức hành vi của người (nhóm người). Nó cung cấp cho người học những hiểu biết khả năng vận dụng thành thạo sáng tạo một tập hợp những thao tác chuẩn bị và tiến hành phát biểu trước công chúng nhằm thông tin, thuyết phục cảm hóa, tạo ra niềm tin thôi thúc hành động của người nghe.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần sinh viên phải nắm được lý thuyết kiến thức và kỹ năng thực hành sau đây:

+ Lý thuyết: Khái niệm, thế mạnh và đặc điểm trung nghệ thuật phát biểu miệng.

+ Thực hành: Vận dụng về hiểu biết nghệ thuật nói trước công chúng để ứng dụng trong hoạt động trước công chúng.

7.3.29. Tổ chức sự kiện (4 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Phát triển khả năng lập kế hoạch và thực thi kế hoạch trong việc tổ chức các sự kiện như họp báo, giao lưu, văn hoá, thể thao, gây quỹ, từ thiện v.v. Môn học đưa ra những trường hợp, tình huống để người học áp dụng kiến thức và kỹ năng tổ chức sự kiện như quản lý nhân sự, ngân quỹ và thời gian.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giới thiệu một trong những nhiệm vụ quan trọng của cán bộ quan hệ công chúng đó là tổ chức các sự kiện, nhằm đạt tới những mục tiêu truyền thông của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Học phần cung cấp lý thuyết và những trường hợp từ thực tiễn liên quan đến kỹ năng tổ chức như lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá sự kiện, quản lý ngân sách, nhân sự, thời gian, quảng bá, xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức họp báo, sự kiện thể thao, lễ hội, hội thảo ở các cấp độ, quy mô khác nhau.

7.3.30. Nghệ thuật phỏng vấn và trả lời phỏng vấn (2 tín chỉ)

- Mô tả vấn đề nội dung học phần:

+ Trang phục nghiêm túc: Một trong những kỹ năng phỏng vấn xin việc quan trọng và cơ bản nhất chính là vấn đề trang phục. Mặc trang phục nghiêm túc chứng tỏ bạn hiểu biết về văn hóa doanh nghiệp và tôn trọng nhà tuyển dụng. Dù cho bạn có là người yêu thích sự thoải mái và tiện lợi thì cũng đừng nên diện quần jeans và áo pull để tham dự một buổi phỏng vấn xin việc. Ấn tượng đầu tiên không phải là tất cả nhưng sẽ quyết định thiện cảm của người phỏng vấn đối với bạn. Nếu không lưu tâm đến vấn đề trang phục, trong mắt nhà tuyển dụng bạn sẽ là một người xuề xòa và dễ dãi. Và không một công ty nào lại muốn thu nhận một nhân viên tương lai xuề xòa và dễ dãi như vậy cả.

+ Ngôn ngữ cơ thể: Ngôn ngữ cơ thể cũng quyết định yếu tố thành bại của bạn trong cuộc phỏng vấn không kém ngôn ngữ lời nói. Chỉ một hành động nhỏ mà bạn vô tình thể hiện cũng có thể minh chứng cho một thái độ tiêu cực đối với nhà tuyển dụng. Liên tục

nhìn đồng hồ chứng tỏ bạn không dành nhiều thời gian và chưa toàn tâm toàn ý cho cuộc phỏng vấn, thậm chí xem đây là một công việc nhàm chán. Tư thế ngồi không thẳng lưng, vai xệ, ngọ nguậy trên ghế trong khi nói, hai bàn tay thường xuyên làm nhiều hành động thừa thãi, ánh mắt nhìn xuống... chứng tỏ bạn đang rất kém tự tin trong từng lời nói của mình. Cơ thể truyền tải nhiều thông tin cảm xúc hơn bạn nghĩ. Do đó, hãy chú ý đến những cử chỉ tưởng chừng như vô cùng nhỏ nhặt trong lúc trả lời phỏng vấn. Hãy ngồi thẳng lưng và vai, không ngọ nguậy liên tục trên ghế và không nhìn đồng hồ nhiều lần... để tạo ấn tượng tốt nhất với nhà tuyển dụng.

+ Thái độ tự tin và thẳng thắn: Để thể hiện thái độ tự tin và thẳng thắn, hãy luôn luôn nhìn thẳng vào mắt nhà tuyển dụng trong lúc phỏng vấn. Khi trao đổi với họ, đừng úp mở hoặc áp úng mà hãy trình bày vấn đề của mình một cách mạch lạc và rõ ràng hết sức có thể. Để làm được điều đó, bạn cần phải chuẩn bị một tinh thần thật thoải mái. Mặc dù chúng ta luôn xem trọng cuộc phỏng vấn, nhưng cũng nên xem đây như là một công việc mà mình nên hoàn thành nó một cách nhẹ nhàng. Càng tự tin và thoải mái thì mọi việc sẽ càng dễ dàng hơn.

7.3.31. Kỹ thuật chụp và xử lý ảnh (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Chụp hình và xử lý ảnh là một nghề có triển vọng nhất là đối với người làm truyền thông, quan hệ công chúng. Những thợ chụp ảnh khi ra nghề có công việc tự do, đòi hỏi sự sáng tạo và năng động trong công việc. Với chương trình học đầy đủ và giáo viên giàu kinh nghiệm, học viên sẽ nắm vững các kiến thức về chỉnh sửa hình ảnh. Nắm vững kỹ thuật chụp ảnh cho PR, chụp ảnh báo chí, chụp hình cưới ngoại cảnh và trong Studio.

7.3.32. PR doanh nghiệp (4 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Học phần nhằm trang bị những kiến thức về phương thức hoạt động của quan hệ công chúng trong các tổ chức thuộc 3 khu vực chính phủ, phi chính phủ và doanh nghiệp. Sau khi kết thúc học phần, người học hiểu rõ những nét tương đồng và đặc trưng riêng của hoạt động quan hệ công chúng tại các tổ chức khác nhau, từ đó xác định được phương thức quan hệ công chúng phù hợp tại các tổ chức khác nhau. Người học sẽ biết đánh giá khía cạnh đạo đức của hoạt động quan hệ công chúng,

- Tóm tắt nội dung học phần: Môn học trình bày thực tiễn hoạt động quan hệ công chúng tại các khu vực chính phủ, doanh nghiệp và phi chính phủ; làm rõ những mô hình, cơ cấu của các tổ chức thuộc 3 khu vực trên, đồng thời nêu ra đặc trưng của hoạt động quan hệ công chúng tại 3 khu vực khác nhau.

Trong thời gian học, người học sẽ được thảo luận về đạo đức hành nghề quan hệ công chúng tại những tổ chức khác nhau.

7.3.33. Ngôn ngữ truyền thông (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho người học những Sản phẩm truyền thông đại chúng nhằm vận dụng đúng đặc trưng ngôn ngữ của từng loại hình, phương tiện truyền thông là báo in, báo ảnh, báo phát thanh, truyền hình, báo điện tử, ngôn ngữ quảng cáo.

Trên cơ sở đó, người học có thể xác định hành vi ngôn ngữ đúng đắn, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh, thể loại báo chí và đối tượng truyền thông.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những đặc điểm của ngôn ngữ báo chí trên thế giới và tại Việt Nam, giúp sinh viên tìm hiểu sự thể hiện của ngôn ngữ qua từng thể loại. Sinh viên thực hành viết, phân tích nhận xét, đánh giá ngôn ngữ tác phẩm báo chí.

7.3.34. Viết cho PR (4 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho người làm công tác quan hệ công chúng những kỹ năng thực hành và kỹ năng sản xuất sản phẩm nghe nhìn phục vụ công tác truyền thông. Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm được phương pháp và kỹ năng sản xuất các sản phẩm truyền thông nhằm chuyển tải các thông điệp cần thiết đến công chúng thông qua các phương tiện phát thanh - truyền hình một cách có hiệu quả. Người học cũng sẽ được rèn luyện các kỹ năng trình bày trước công chúng và kỹ năng in ấn trên máy vi tính.

7.3.35. Quản trị thương hiệu (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Thương hiệu là tài sản quý giá nhất, là biểu tượng sức mạnh kinh tế, văn hóa của doanh nghiệp, là trụ cột trong việc tối ưu hóa lợi nhuận, lợi thế cạnh tranh trong chuỗi giá trị gia tăng, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới sâu rộng của WTO, AEC, TPP và hơn 50 khu vực FTA khác, mục tiêu môn học:

+ Trang bị, giúp học viên có được một nền tảng kiến thức vững vàng, hệ thống để xây dựng và quản trị thương hiệu một cách hiệu quả.

+ Nắm vững và thực chứng những khái niệm, nền tảng quan trọng nhất của thương hiệu như: Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị, những mô hình kinh doanh, xây dựng thương hiệu tiêu biểu của Việt Nam và thế giới;

+ Những vấn đề về quản trị, hợp phối giữa định vị, nhận diện, tính cách, tài sản thương hiệu, brand Portfolio và kiến trúc thương hiệu, cùng khả năng sáng tạo ra các giá trị mới cho nhãn hàng;

+ Khả năng làm việc nhóm, đồng hành triển khai các chiến lược và kế hoạch xây dựng, phát triển thương hiệu hiệu quả. Hiểu và thực thi được các chiến dịch truyền thông, tiếp thị thương hiệu trong thế giới số.

7.3.36. Seo và Marketing các công cụ tìm kiếm (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò trọng yếu trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết truyền thông và những kỹ năng của hoạt động này.

Môn học vừa trang bị khung lý thuyết, vừa vận dụng để củng cố và nâng cao kỹ năng thực hành; từ khái niệm, phạm trù đến mô hình, môi trường truyền thông, các lý thuyết truyền thông trực tiếp... đến tính chất, các loại hình truyền thông và truyền thông đại chúng...

- Mục tiêu học phần: Cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, hệ thống về lý thuyết và kỹ năng truyền thông vận động xã hội; giúp củng cố, mở rộng và nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền thông, thâm nhập xã hội; nâng cao năng lực hòa nhập, hội nhập bình đẳng trong giao tiếp, hoạt động nghề nghiệp trong khu vực và trên thế giới.

7.3.37. Quản trị truyền thông trong khủng hoảng (3 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản quản lý khủng hoảng đối với một tổ chức. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch để đề phòng khủng hoảng và truyền thông trong khủng hoảng.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm được kiến thức lý thuyết và có kỹ năng thực hành sau đây:

+ Lý thuyết: Nhận thức một cách hệ thống các khái niệm quản lý khủng hoảng, quy trình quản lý khủng hoảng, dự báo và ngăn ngừa khủng hoảng đồng thời không những quản lý được khủng hoảng mà còn có kế hoạch để khôi phục hình ảnh của mình sau khi khủng hoảng.

+ Thực hành: Thực thi các chiến dịch truyền thông trong truyền thông, giải quyết mâu thuẫn giữa các nhóm công chúng và có biện pháp xử lý khủng hoảng.

7.3.38. Sản xuất các sản phẩm truyền thông đa phương tiện (3 tín chỉ)

- Mục tiêu của môn học:

+ Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng lý luận về thiết kế, trình bày các sản phẩm quan hệ công chúng. Từ những kiến thức được trang bị, sinh viên có thể thực hành, đánh giá, sử dụng được các sản phẩm quan hệ công chúng trong công việc của mình sau khi tốt nghiệp.

+ Kỹ năng: Sinh viên có thể sử dụng thuần thục các kỹ năng thiết kế, trình bày các sản phẩm quan hệ công chúng ngay khi học môn học và khi làm việc ở thực tiễn sau khi tốt nghiệp.

7.3.39. Khởi sự doanh nghiệp (3 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần, người học sẽ nắm vững cơ sở lý thuyết chung về khởi sự doanh nghiệp, từ đó học tiếp các học phần chuyên ngành quan hệ công chúng. Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần đề cập tới những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam.

Học phần giới thiệu những khái niệm, mô hình và những tập đoàn quan hệ công chúng, làm rõ chức năng và vai trò của quan hệ công chúng cũng như quy trình thực hiện và các công việc của quan hệ công chúng; so sánh giữa quan hệ công chúng và quảng cáo, quan hệ công chúng và thông tin đại chúng; những vấn đề về đạo đức và pháp lý của người làm quan hệ công chúng đang gặp phải hiện nay.

7.3.40. Thực tế 1 (1 tín chỉ) và 7.3.41. Thực tế 2 (1 tín chỉ)

- Nội dung: Yêu cầu sinh viên bước đầu tìm hiểu về các hoạt động thực tế về truyền thông, tổ chức sự kiện, báo chí, PR tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên kết hợp với doanh nghiệp; là tiền đề để sinh viên tiến hành thực tập tốt nghiệp; sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được học chuyên ngành vào việc giải quyết các công việc có liên quan trong lĩnh vực truyền thông, quan hệ công chúng.

7.3.42. Chuyên đề 1 (2 tín chỉ)

7.3.43. Chuyên đề 2 (2 tín chỉ)

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên tiếp cận với thực tiễn cuộc sống đồng thời trang bị những kiến thức có chiều sâu về hoạt động PR trong một số lĩnh vực chuyên biệt, đồng thời thấy được xu hướng phát triển của PR trong tương lai.

Nội dung học phần: Đây là học phần bao gồm những chuyên đề do các chuyên gia, những nhà quản lý lãnh đạo một số lĩnh vực chịu trách nhiệm báo cáo. Vì vậy chuyên đề mang ý nghĩa thực tiễn khá cao đồng thời củng cố những kiến thức lý luận đã được học trong nhà trường. Nội dung của học phần tùy thuộc tình hình thực tiễn để mời người đảm nhận. Bước đầu, có các chuyên đề sau:

Chuyên đề 1: PR tài chính. Có các nội dung sau:

- Tìm hiểu hoạt động PR trong ngành ngân hàng, tài chính
- Thảo luận các trường hợp khủng hoảng trong ngành ngân hàng, tài chính.

Chuyên đề 2: Quan hệ PR và báo chí

- Tìm hiểu hoạt động của một cơ quan báo chí
- Thảo luận một số tình huống khủng hoảng của các cơ quan báo chí

7.3.44. Dự án 1 (2 tín chỉ)

7.3.45. Dự án 2 (2 tín chỉ)

- Mục tiêu học phần:

+ Nghiên cứu hoạt động của báo chí, truyền thông doanh nghiệp, hiểu được ảnh hưởng của báo chí và truyền thông đại chúng đối với hoạt động của doanh nghiệp, của cơ quan nhà nước, của chính phủ và việc hoạch định chính sách; đối với các tổ chức, cơ quan hành chính và kinh doanh;

+ Hiểu được vai trò của công chúng và dư luận xã hội đối với các cơ quan, tổ chức;

+ Hiểu được vai trò của truyền thông và nhân viên quan hệ công chúng trong các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức;

+ Trên cơ sở những hiểu biết nói trên, người học có khả năng suy nghĩ và lập những kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược phù hợp với chiến lược và mục tiêu của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp, xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các cơ quan/tổ chức đó với các nhóm công chúng và gây ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của các nhóm công chúng đó;

+ Dự án 1, 2 nhằm nâng cao hiệu quả của truyền thông trong tổ chức/cơ quan và cho việc lập kế hoạch QHCC;

+ Tạo dựng giá trị thương hiệu và hình ảnh qua các kênh truyền thông kết hợp;

+ Rèn luyện kỹ năng đàm phán, tiếp xúc công chúng; giải quyết mâu thuẫn, khủng hoảng.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học viên được nghiên cứu các nguyên tắc hoạt động của báo chí, vai trò ảnh hưởng của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội; nghiên cứu các chiến lược quan hệ công chúng ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Học viên cũng được thực hành các kỹ năng lập, thực hiện và đánh giá những kế hoạch quan hệ công chúng

mang tính chiến lược, cũng như các kỹ năng cần thiết khác như giao tiếp, ứng xử với công chúng, với báo chí, quản lý truyền thông nội bộ và quản lý khủng hoảng.

7.3.46. và 7.3.47. Học phần tự chọn 1 (2 tín chỉ) và Học phần tự chọn 2 (3 tín chỉ)

*** Cơ sở văn hoá Việt Nam (2 tín chỉ)**

- Mô tả học phần: Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của ngành QHCC. Học phần có vai trò trọng yếu trong việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam. Học phần có quan hệ với các học phần lý luận chính trị và khoa học xã hội khác.

- Mục tiêu học phần: sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm chắc kiến thức lý thuyết và có kỹ năng thực hành sau đây:

+ Lý thuyết: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam. Từ đó giúp cho sinh viên có những hiểu biết cơ bản về văn hóa dân tộc, có ý thức trong việc giữ gìn, phát huy di sản văn hóa truyền thống và tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay.

+ Thực hành: Vận dụng để lý giải những hiện tượng văn hóa trong xã hội Việt Nam, ứng dụng những hiểu biết về văn hóa Việt Nam trong hoạt động báo chí truyền thông.

*** Truyền thông Quốc tế (2 tín chỉ)**

Mục tiêu học phần:

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; lý luận và thực tiễn truyền thông quốc tế của Việt Nam và thế giới, quy trình và phương pháp sáng tạo, tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông quốc tế. Trên cơ sở đó để sinh viên có thể:

- Xác định được đặc trưng và sử dụng các loại hình truyền thông quốc tế trong hoạt động truyền thông quốc tế. Thông tin đối ngoại và truyền thông quốc tế, xây dựng hình ảnh và thương hiệu quốc tế, nghiệp vụ ngoại giao và văn phòng đối ngoại trong thực tiễn nghề nghiệp.

- Phân tích được các nội dung cơ bản trong công chúng truyền thông quốc tế, quản lý báo chí đối ngoại Việt Nam, Có kỹ năng phân tích có phản biện sự kiện quốc tế, thông tin và dữ liệu trong và ngoài nước: Khả năng sử dụng thông tin từ các nguồn khác nhau, so sánh đối chiếu thông tin, đưa ra nhận định và kết luận.

- Xác định được các yêu cầu trong lao động của nhà báo đối ngoại, nguyên tắc hoạt động của nhà báo đối ngoại. Có kỹ năng sáng tạo các sản phẩm truyền thông: tin bài đối ngoại; tác phẩm chính luận và sử dụng các kỹ thuật, phương tiện truyền thông quốc tế, kỹ thuật nghiệp vụ báo chí đối ngoại.

- Vận dụng được các quy trình sáng tạo tác phẩm và tổ chức sản xuất sản phẩm, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông quốc tế.

- Có khả năng xác định và phân tích những tình huống phức tạp, đưa ra nhiều phương án lựa chọn để xử lý những vấn đề truyền thông ở quy mô địa phương và vùng miền.

*** Hoạch định chiến lược PR (3 tín chỉ)**

- Mục tiêu học phần:

+ Nghiên cứu hoạt động của báo chí, hiểu được ảnh hưởng của báo chí và truyền thông đại chúng đối với hoạt động chính trị và việc hoạch định chính sách; đối với các tổ chức, cơ quan hành chính và kinh doanh;

+ Hiểu được vai trò của công chúng và dư luận xã hội đối với các cơ quan, tổ chức;

+ Hiểu được vai trò của truyền thông và nhân viên quan hệ công chúng trong các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp và tổ chức;

+ Trên cơ sở những hiểu biết nói trên, người học có khả năng suy nghĩ và lập những kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược phù hợp với chiến lược và mục tiêu của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp, xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa các cơ quan/tổ chức đó với các nhóm công chúng và gây ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi của các nhóm công chúng đó;

+ Hoạch định chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của truyền thông trong tổ chức/cơ quan và cho việc lập kế hoạch QHCC;

+ Tạo dựng giá trị thương hiệu và hình ảnh qua các kênh truyền thông kết hợp;

+ Rèn luyện kỹ năng đàm phán, tiếp xúc công chúng; giải quyết mâu thuẫn, khủng hoảng.

- Tóm tắt nội dung học phần: Học viên được nghiên cứu các nguyên tắc hoạt động của báo chí, vai trò ảnh hưởng của báo chí, truyền thông và dư luận xã hội; nghiên cứu các chiến lược quan hệ công chúng ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Học viên cũng được thực hành các kỹ năng lập, thực hiện và đánh giá những kế hoạch quan hệ công chúng mang tính chiến lược, cũng như các kỹ năng cần thiết khác như giao tiếp, ứng xử với công chúng, với báo chí, quản lý truyền thông nội bộ và quản lý khủng hoảng

*** *Truyền thông và toàn cầu hóa (3 tín chỉ)***

- Mô tả học phần: Môn học giới thiệu sơ lược quá trình hình thành và phát triển của toàn cầu hóa với các lĩnh vực trọng yếu trong chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, các vấn đề đương đại. Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Quan hệ công chúng những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa như các khái niệm, các đặc điểm và chức năng của từng lĩnh vực như kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, các vấn đề hiện tại...để từ đó, sinh viên có thể gắn kết với truyền thông và sáng tạo về mặt nội dung, ứng dụng ý tưởng và các công cụ truyền thông vào các kế hoạch PR. Thông qua việc phân tích các tình huống thực tế (case study), các chiến lược truyền thông trong thời đại toàn cầu hóa để sinh viên nắm bắt được xu thế, tầm ảnh hưởng, vai trò của truyền thông trong toàn cầu hóa hiện nay. Từ đó, sinh viên thấy được sự tác động, ảnh hưởng qua lại giữa truyền thông và toàn cầu hóa

7.3.48. *Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ)*

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò trọng yếu trong việc tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên tiếp cận với hoạt động thực tiễn báo chí truyền thông. Sinh viên có dịp thể hiện mình như một cán bộ hoạt động trên lĩnh vực báo chí – truyền thông. Sinh viên có dịp ứng dụng một cách toàn diện những hiểu biết của mình trong sáng tạo tác phẩm báo chí, trong biên tập và trong các mối quan hệ ứng xử nghề nghiệp khác.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm chắc kiến thức lý thuyết và có kỹ năng thực hành sau đây:

+ Lý thuyết: Củng cố tất cả những lý thuyết đã được học trong chương trình đào tạo ngành Báo chí. Đó là những nhận thức về lý luận chính trị, xã hội, đó là những lý thuyết thuộc kiến thức chuyên nghiệp.

+ Thực hành: Vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thành hoạt động thực tập tại một cơ quan báo chí cụ thể. Tham gia giải quyết những hoạt động có liên quan đến nghiệp vụ báo chí và truyền thông.

7.3.49. Chuyên đề khóa luận tốt nghiệp (5 tín chỉ)

7.3.50. Khóa luận tốt nghiệp (5 tín chỉ)

- **Điều kiện những sinh viên được làm luận văn tốt nghiệp:** Luận văn tốt nghiệp ngành báo chí dành cho những sinh viên đạt các tiêu chuẩn sau:

+ Điểm tổng kết tất cả các học phần phải từ 6,5 trở lên

+ Không có học phần nào điểm dưới 5

+ Không vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

+ Trong trường hợp số lượng sinh viên đạt 3 tiêu chuẩn trên nhiều thì mỗi khóa cũng chỉ chọn 30% số từ cao xuống thấp để làm luận văn.

- Mô tả học phần: Học phần có vai trò quyết định trong việc hoàn tất chương trình đào tạo ngành Báo chí. Trong giai đoạn thực hiện học phần này, dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên ngành, sinh viên có trách nhiệm vận dụng những kiến thức và kỹ năng của các học phần trong chương trình để tiến hành hoạt động nghiên cứu với một đề tài xác định để hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

- Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc tất cả các học phần trong chương trình, sinh viên phải hoàn thành những công việc sau đây:

+ Bằng một đề tài tự chọn, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, luận văn giải quyết một vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực báo chí – truyền thông.

+ Bảo vệ khóa luận đó trước một hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp do hiệu trưởng trường đại học Nguyễn Trãi quyết định.